

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

“Về việc tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Trung.

Ông Thạch Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đặng Chí H**, sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: D, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Thanh Q**, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm F, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Đặng Chí H1 mặt nhưng có lời khai thể hiện:

Vào năm 2000 anh có kết hôn với chị Trần Thị Thanh Q có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/7/2005. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay mỗi người một nơi. Trong quá trình chung sống có con chung Đặng Thanh N ngày 29/9/2000 đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh yêu cầu ly hôn được ly hôn với chị Q

Bị đơn chị Trần Thị Thanh Q vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Vào năm 2000 chị có kết hôn với anh Đặng Chí H2 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/7/2005. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cự cãi qua lại với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong quá trình chung sống có con chung tên Đặng Thanh N ngày 29/9/2000 đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh H1 yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đặng Chí H2 và chị Trần Thị Thanh Q thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Đặng Thanh N ngày 29/9/2000 đã thành niên sống tự lập, nên không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh H1 và chị Q1 không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 xác lập quan hệ hôn nhân với chị Q vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/7/2005 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay anh H2 và chị Q thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về con chung: Cháu Đặng Thanh N ngày 29/9/2000 đã thành niên sống tự lập, anh H1 và chị Q2 có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh H2 và chị Q1 không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh H2 và chị Q khai không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Chí H2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đặng Chí H2 được ly hôn với chị Trần Thị Thanh Q3

2. Về con chung: Cháu Đặng Thanh N ngày 29/9/2000 đã thành niên sống tự lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh H2 và chị Q không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh H2 và chị Q không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Chí H2 phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000401, ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; anh H2 đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Phước P, huyện P, tỉnh Bến Tre (chứng nhận kết hôn ngày 15/7/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân